TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 240/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11 – 11 – 2019
V/v trAh chấp ly hôn

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Minh Thắng

Ông Nguyễn Văn Hiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Hồng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 479/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 471/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trần Thu Đ, sinh năm 1966; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Lê Triều A, sinh năm 1960; nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện Đ1, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Bà Trần Thu Đ trình bày:*

Bà Đ và ông Lê Triều A chung sống vào năm 1995 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tạ A Khương, huyện Đầm Dơi. Khi về chung sống 1-2 tháng thì ông A tham gia tệ nạn xã hội, thường xuyên chửi mắng, đánh đập, hành hạ đối với bà, sự việc địa phương đã nhiều lần lập biên bản nên đến năm 2009 bà đã khởi kiện xin ly hôn với ông A tại Tòa án nhưng do con còn nhỏ nên đã rút yêu cầu khởi kiện. Từ nguyên nhân trên, bà Đ xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu được ly hôn với ông A.

Quá trình chung sống có 02 người con chung gồm: Lê Hải Đ và Lê Hải A hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Có phần đất 4.800m^2, tại ấp Tân A Ninh A, xã Tạ A Khương Nam, huyện Đầm Dơi do ông A đứng tên trong Giấy chứng nhận và 02 căn nhà 03 căn xây dựng trên phần đất có giá trị 10.000.000 đồng.

Khi khởi kiện bà Đ yêu cầu phân chia các tài sản trên, quá trình giải quyết bà Đ rút lại đối với yêu cầu này để thỏa thuận với ông A giao cho các con sử dụng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình chung sống bà Đ và ông A có vay của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Đầm Dơi số tiền 15.000.000 đồng. Do Ngân hàng không khởi kiện nên bà Đ sẽ thỏa thuận với ông A về nghĩa vụ trả khoản nợ này.

** Ông Lê Triều A trình bày:* Ông A thống nhất về thời gian chung sống và đăng ký kết hôn như bà Đ trình bày. Ông A thừa nhận, khi về chung sống có chửi và đánh đập bà Đ nên vào năm 2009 bà Đ đã gửi đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án nhưng đã rút yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, ông A mong muốn hàn gắn trở lại nên không đồng ý ly hôn với bà Đ. Về các vấn đề khác thống nhất như bà Đ trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng giao dịch huyện Đầm Dơi xác định do chưa đến thời hạn thanh toán nên không khởi kiện và tự thỏa thuận đối với bà Trần Thu Đ, ông Lê Triều A về khoản nợ vay này. Do vậy, Hội đồng xét xử không đưa Ngân hàng vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan trong vụ án.

[2] Bà Đ và ông A chung sống vào năm 1995 và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Tạ A Khương, huyện Đầm Dơi. Khi về chung sống ông A tham gia tệ nạn xã hội, thường xuyên chửi mắng, đánh đập, hành hạ đối với bà Đ nên bà Đ đã khởi kiện xin ly hôn vào năm 2009. Nay bà Đ xác định không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn; ông A không đồng ý ly hôn mà có nguyện vọng hàn gắn trở lại.

Xét yêu cầu của các đương sự thấy rằng: Thực tế trong cuộc sống vợ chồng không thể tránh xảy ra những mâu thuẫn nhưng hành vi của ông A đã nhiều lần xúc phạm, đánh đập bà Đ là hành vi bạo lực gia đình; hành vi này đã làm cho tình trạng hôn nhân các đương sự trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên bà Đ đã gửi đơn khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án. Mặc dù bà Đ đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án vào năm 2010 để cho ông A khắc phục, sửa chữa nhưng vẫn không thực hiện được; trong khi đó, ông A có mong muốn hàn gắn nhưng không đưa ra được giải pháp và bà Đ thì cương quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy, tình trạng hôn nhân của các đương sự đã thật sự trầm trọng,

không thể hàn gắn trở lại nên chấp nhận yêu cầu của bà Đ, cho bà Đ ly hôn với ông A là phù hợp và đúng quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Các đương sự đã trưởng thành và không bị hạn chế về năng lực hành vi dân sự nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Quá trình giải quyết, bà Đ rút lại yêu cầu phân chia về tài sản; việc rút yêu cầu phân chia tài sản của bà Đ là tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu đã rút của bà Đ. Trường hợp sau khi ly hôn không thỏa thuận được thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Đối với khoản nợ của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Phòng Giao dịch huyện Đầm Dơi: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét. Trường hợp có phát sinh tranh chấp sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Đ phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thu Đ. Cho bà Đ được ly hôn với ông Lê Triều A.

2. Về tài sản:

- Đình chỉ yêu cầu của bà Đ về phân chia tài sản gồm diện tích đất 4.800m^2, tại ấp Tân A Ninh A, xã Tạ A Khương Nam, huyện Đầm Dơi do ông A đứng tên trong Giấy chứng nhận và 02 căn nhà 03 căn xây dựng trên phần đất.

- Các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản chung sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Đ phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009914 ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (đã nộp xong).

- Hoàn trả cho bà Đ số tiền đã nộp tạm ứng án phí về phân chia tài sản 1.625.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009915 ngày 02 tháng 10 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viển kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- UBND xã Tạ A Khương, huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.